

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/12/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+CLO+PVD1	7:25	14+0+8	0+0+0		11+0+11	0+0+0	TRANS 3 PAX TD3-CLO
2		P3+CTK3+TD5+RC3	7:25	7+0+15+0	0+0+0+0		3+2+14+2	0+0+0+0	TRANS 2 PAX CTK3-TD5
3		PVD1+VSP01+TD3	9:25	19+3+0	0+0+0		11+0+11	0+0+0	
4		PVD1+PVD6+P5	9:25	7+7+7	0+0+0		5+5+11	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1 VIỆN NPI ĐI PPD QUA TD3; 2 NGUOI P2 VỀ QUA TD3



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/12/2018	TO: TD3 - CLO - PVD1	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: TTrung - LBinh - HUY	ETA: 09:10
XANH1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TRỌNG TUYẾN	TD3	52	1	5	10	72	KHOAN	Vietnamese
2	FILIPPOV NIKOLAY	TD3					80	KHOAN	Russian
3	NGUYỄN VIỆT HÙNG	TD3	64	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	61	1	6		79	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC THANH	TD3	55	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG NGOC NGHIA	TD3	54	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
7	BUI VAN NGHIA	TD3	53	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ SỸ HÙNG	TD3	62	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN SƠN HAI	TD3	51	1	4		81	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM NGỌC DUNG	TD3	50	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG VAN KHUONG	TD3					90	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT THẮNG	TD3	65	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ XUÂN TUNG	TD3	63	1	8		66	ANTOAN	Vietnamese
14	QUAN ĐỨC THẮNG	TD3	48-49	2	12		65	NIPI	Vietnamese
15	LÊ QUANG CƯỜNG	PVD1	51	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
16	BUI VAN THEM	PVD1	97	1	5		86	KHOAN	Vietnamese
17	DOAN VAN TUAN	PVD1	98	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
18	VU TOAN THANG	PVD1	92	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN HUU NAM	PVD1	96	1	2		86	KHOAN	Vietnamese
20	BUI TUAN VU	PVD1	95	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN CAO TUAN	PVD1	99	1	4		54	KHOAN	Vietnamese
22	VU DINH TINH	PVD1	94	1	7		62	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	14	13	72	1.035	10	11		CHUYEN 3 PAX TU TD3 SANG CLO
2	CLO	0	0	0	0	0	0		
3	PVD1	8	8	40	573	0	11		
TOTAL		22	21	112	1.608	10	22		
WEIGHT KG				112	1.608	10			

GRAND TOAL: 1.730 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/12/2018	TO: P3 - CTK3 - TD5 - RC3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Lhài - VTHU - THẢO	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ANH SƠN	P3					56	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC NAM	P3	49	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
3	SHEVCHENKO	P3	37	1	5		70	KH-THAC	Russian
4	BAEV	P3					80	ANTOAN	Russian
5	ĐỖ VĂN CHIN	P3	48	1	10		67	PVC-PT	Vietnamese
6	TRẦN TĂNG ĐƯƠNG	P3	47	1	7		70	PVC-PT	Vietnamese
7	ĐẶNG ĐÌNH HỒNG	P3	38	1	5		70	PVC-PT	Vietnamese
8	LƯU VĂN PHONG	TD5					67	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG XUAN THI	TD5	41	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
10	LUONG MINH PHUNG	TD5	52-53	2	10		72	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN NGỌC LINH	TD5	42	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
12	NGÔ QUỐC BAO	TD5	48-49	2	10		72	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ TIẾN DUNG	TD5					71	KHOAN	Vietnamese
14	HỒ VĂN TIẾN	TD5	46	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN SY LỆ	TD5	40	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN VĂN DIỆU	TD5	43	1	5	30	62	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT DUNG	TD5	54	1	5	20	75	KHOAN	Vietnamese
18	ĐỖ VINH CUONG	TD5	44	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN HUY QUANG	TD5	45	1	12		75	NHA THAU	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC HOA	TD5	47	1	10		68	NHA THAU	Vietnamese
21	ĐINH BAO CUONG	TD5	50-51	2	15		70	NHA THAU	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN MẠNH	TD5	59	1	5		60	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	7	5	32	483	0	3		CHUYEN 02 PAX TU CTK3 SANG TD5
2	CTK3	0	0	0	0	0	2	2	
3	TD5	15	16	95	1.043	50	14		
4	RC3	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	21	127	1.526	50	21		
WEIGHT KG				127	1.526	50			

GRAND TOAL: 1.703 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/12/2018	TO: PVD1 - PVD6 - P5	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: TTrung - LBình - HUỠ	ETA: 11:25
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM ANH SON	PVD1	92	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN VU QUOC	PVD1	96	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
3	DUONG THAI SON	PVD1	93	1	11		73	DVL	Vietnamese
4	TRAN VAN NGHIA	PVD1	97	1	12		87	DVL	Vietnamese
5	BUI HUY BANG	PVD1	91	1	9		65	DVL	Vietnamese
6	LE HOAI THIEN	PVD1	90	1	15		75	DVL	Vietnamese
7	NHAM DUC TUAN	PVD1	94-95	2	10		70	DVL	Vietnamese
8	NGO THANH NAM	PVD6	58	1	6		65	XAYLAP	Vietnamese
9	VO HOANG TIEN	PVD6	57	1	14	20	80	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN VAN LAM	PVD6	63	1	7		68	XAYLAP	Vietnamese
11	MOHD KHAIRUL ANWAR BIN MAZLAN	PVD6	60	1	15	15	88	NHATHAU	Malaysian
12	KARPUNIN	PVD6	56	1	13	76	97	KHOAN	Russian
13	NGUYEN QUOC ANH	PVD6	59	1	9		78	NHATHAU	Vietnamese
14	LUONG QUANG LONG	P5	26	1	7		76	PVC-PT	Vietnamese
15	LE VAN NGU	P5	30	1	7		63	PVC-PT	Vietnamese
16	TRAN VAN TOAN	P5	27	1	9		66	PVC-PT	Vietnamese
17	LE HONG KY	P5	29	1	7		57	PVC-PT	Vietnamese
18	TRAN NGOC TRUNG	P5	28	1	14		68	PVC-PT	Vietnamese
19	DANG HAI DUONG	P5	38	1	7		68	PVC-PT	Vietnamese
20	TRUONG HUY TRONG	P5	68	1	5		65	PVC-PT	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	7	8	69	512	0	5		
2	PVD6	6	6	64	476	111	5		
3	P5	7	7	56	463	0	11		
TOTAL		20	21	189	1.451	111	21		
WEIGHT KG				189	1.451	111			

GRAND TOAL:

1.751 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/12/2018	TO: PVD1 - VSP01 - TD3	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LHai - VTHU - THẢO	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN CAO THO	PVD1	60	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
2	TANG VAN BINH	PVD1	58	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG TRUNG KIEN	PVD1	59	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN CHUONG	PVD1	55	1	4		85	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN SON DAI	PVD1	56	1	8		66	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN DUC THIEN	PVD1	61	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
7	DANG XUAN TRUONG	PVD1	65	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN UT	PVD1	63	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN HAI HOAN	PVD1	64	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN DOANH	PVD1	66	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HAU	PVD1	62	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN DANG TICH	PVD1	73	1	10		58	KHOAN	Vietnamese
13	MAKSIM KULEMIN	PVD1	52	1	10	17	85	KHOAN	Russian
14	HOANG TRUNG KIEN	PVD1	71-72	2	16		68	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN DUY KHIEM	PVD1	70	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
16	JAMES DEVENNY	PVD1	54	1	10		94	KHOAN	British
17	BENJAMIN ANDREW SMIT	PVD1	57	1	10		105	KHOAN	Australian
18	DO XUAN CANH	PVD1	67-68	2	14		82	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN BINH MINH	PVD1	69	1	3		76	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN NHU Y	VSP01	50-51	2	12		60	CODIEN	Vietnamese
21	HOANG MINH HAI	VSP01	48-49	2	13		78	CODIEN	Vietnamese
22	HUYNH THANH LAM	VSP01	46-47	2	8		71	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	19	21	149	1.431	17	11		
2	VSP01	3	6	33	209	0	0		
3	TD3	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		22	27	182	1.640	17	22		
WEIGHT KG				182	1.640	17			

GRAND TOAL: 1.839 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/12/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P2+BK16+RP3	7:25	20+2+0	0+0+0		13+4+5	0+0+0	
2		PPD+PVD1+RP1	7:25	22+0+0	0+0+0		13+0+9	0+0+0	CHUYEN 1 PAX PPD-PVD1
3		P4+TD1+CLO	7:25	14+8+0	0+0+0		9+8+5	0+0+0	
4		AMD+TGTH4+PVD2	7:25	21+1+0	0+0+0		19+1+2	0+0+0	
5		BK8+BK5+P7	9:25	15+5+2	0+0+0		6+6+10	0+0+0	
6		P4+P10+P11	9:25	17+4+1	0+0+0		12+8+2	0+0+0	
7		P1+CTK3	9:25	22+0	0+0		15+7	0+0	
8		AMD+P4	9:25	8+14	0+0		2+20	0+0	
9		PPD+P1	12:25	13+9	0+0		8+14	0+0	
10		P7+P6	12:25	21+1	0+0		20+1	0+0	
11		TD2+RC6+RP3	12:25	3+4+15	0+0+0		1+0+21	0+0+0	
12		P5+AMD	12:25	18+4	0+0		0+22	0+0	
13		BK6+CNV+P3	13:25	6+2+14	0+0+0		5+0+17	0+0+0	
14		P2+P4	13:25	15+7	0+0		12+10	0+0	
15		PPD+P10+P5	13:25	12+0+10	0+0+0		9+0+13	0+0+0	CHUYEN 3 PAX TU P10-P5

TTĐDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/12/2018	TO: P2 - BK16 - RP3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LBình - XHOÀN - NNam	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DANUK	P2					85	D-HANH	Russian
2	FURSOV	P2					72	D-HANH	Russian
3	KADURKAEM	P2					72	D-HANH	Russian
4	KHOKHLOV	P2	87	1	11		80	KH-THAC	Russian
5	TRANKY TUAN	P2	80	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
6	GOROBES A	P2	90	1	3		90	D-HANH	Russian
7	MASYMOV F	P2					86	D-HANH	Russian
8	KOSTRIN C	P2					102	D-HANH	Russian
9	NGUYEN SON TRUONG	P2	85	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
10	DUONG DUC HIEU	P2	86	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
11	VU VIET THANH	P2	88-89	2	16		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRINH BA DONG	P2	83	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG MINH DUC	P2	82	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAC DUC HUY	P2	84	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM NG. HOANG PHUC	P2	78	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN NAM SINH	P2	79	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
17	VU ANH NGOC	P2	76	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
18	LUU VAN TU	P2	81	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	LE VAN DONG	P2	77	1	2		82	KH-THAC	Vietnamese
20	HA QUANG TRUNG	BK16	3000	1	10		50	KH-THAC	Vietnamese
21	VU ANH MINH	BK16	97-99	3	16	40	70	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	19	15	90	1.442	0	13		
2	BK16	2	4	26	120	40	4		
3	RP3	0	0	0	0	60	5		
TOTAL		21	19	116	1.562	100	22		
WEIGHT KG				116	1.562	100			

GRAND TOAL: 1.778 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/12/2018	TO: PPD - PVD1 - RP1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Khang - THỤ	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM TÀI	PPD	09	1	6	55	70	KHI	Vietnamese
2	ĐO CHUNG KIEN	PPD	23	1	5		60	KHI	Vietnamese
3	HOANG MINH HIEU	PPD	24	1	4		60	KHI	Vietnamese
4	PHẠM HAI QUANG	PPD	12	1	4		75	KHI	Vietnamese
5	VU THANH BINH	PPD	19	1	5		76	KHI	Vietnamese
6	TRẦN LÊ RANG	PPD	08	1	7		85	KHI	Vietnamese
7	TRẦN VĂN NAM	PPD	20	1	5		65	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN TIỀN VU	PPD	02	1	10		80	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TÀ	PPD	21	1	5		72	KHI	Vietnamese
10	ĐO VĂN THANH	PPD	22	1	5		81	KHI	Vietnamese
11	VU VĂN SÔNG	PPD	01	1	4		70	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG HIẾN	PPD	18	1	5		62	KHI	Vietnamese
13	TRỊNH CÔNG BÌNH	PPD	04	1	5		62	KHI	Vietnamese
14	TRẦN VĂN THANH	PPD	05	1	5		55	KHI	Vietnamese
15	PHÙNG VĂN CHÍNH	PPD	13	1	5		76	KHI	Vietnamese
16	BUI THANH	PPD	14	1	5		65	KHI	Vietnamese
17	LUƠNG NGỌC THANH	PPD	11	1	6		98	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN HUY SƠN	PPD					78	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN ANH TÀI	PPD	06	1	4		75	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC HOA	PPD	10	1	4		75	KHI	Vietnamese
21	TRẦN SƠN HAI	PPD	03	1	5		72	KHI	Vietnamese
22	KHÔNG TIỀN DUNG	PPD	07	1	5		76	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	21	109	1.588	55	13		CHUYEN 1 PAX TU PPD SANG PVD1
2	PVD1	0	0	0	0	14	0		
3	RP1	0	0	0	0	30	9		
TOTAL		22	21	109	1.588	99	22		
WEIGHT KG				109	1.588	99			

GRAND TOAL: 1.796 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/12/2018	TO: P4 - TD1 - CLO	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - DUONG - PTUẤN	ETA: 09:20
KANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN HONG TAM	P4	60-61	2	14		58	KHI	Vietnamese
2	KOLECHIK A.IO	P4	58	1	10		95	KHI	Russian
3	TRUONG THANH GIAP	P4	62	1	5		73	KHI	Vietnamese
4	PHAM TRAI	P4	66	1	3		75	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN ĐANG TUAN	P4	67	1	3		70	KHI	Vietnamese
6	TA XUAN HIEU	P4	34	1	4		65	KHI	Vietnamese
7	PHAM ĐUC HIỆP	P4	36	1	3		77	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN VIET NGOC	P4	64	1	8		65	KHI	Vietnamese
9	VU DINH CUONG	P4	35	1	5		77	KHI	Vietnamese
10	PHAM MONG THANH	P4	59	1	4		70	KHI	Vietnamese
11	LE VAN MANH	P4					57	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN VAN TAI	P4	63	1	5		68	KHI	Vietnamese
13	PHAN DINH NHAM	P4					60	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN HOANG TRUONG	P4	65	1	3	70	75	KHI	Vietnamese
15	VU ANH HIEU	TD1	47	1	12		60	NHA THAU	Vietnamese
16	BONNIE MURZELLO	TD1	48-49	2	15		77	NHA THAU	Indian
17	LE VAN LOC	TD1	50	1	10		83	KHOAN	Vietnamese
18	MAI THE HIEN	TD1	45-46	2	11		95	KHOAN	Vietnamese
19	PHAN THANH TAI	TD1	51	1	6		52	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN HUU TUYEN	TD1	53	1	8	12	60	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN VAN LINH	TD1	54	1	9		66	DVL	Vietnamese
22	LA QUY DANH	TD1	44	1	6		62	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	14	13	67	985	70	9		
2	TD1	8	10	77	555	12	8		
3	CLO	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	23	144	1.540	82	22		
WEIGHT KG				144	1.540	82			

GRAND TOAL: 1.766 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/12/2018	TO: AMD - TGTH4 - PVD2	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: ĐỨC - LHM - THẢO	ETA: 09:30
TRANG-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH THUONG MAI	AMD	92-93	2	13		60	TLJOC	Vietnamese
2	TAN SEN WANG	AMD	74-75	2	17		82	BAB	Malaysian
3	TRAN THANH QUANG	AMD	79	1	9		74	TLJOC	Vietnamese
4	LE QUOC HUNG	AMD	76-77	2	12		69	TLJOC	Vietnamese
5	K LỘC	AMD	99	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN THANH	AMD	87	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN SANH	AMD	88-89	2	16		66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGO VAN SAU	AMD	81	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
9	THAI NGUYEN HAI VI	AMD	989	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
10	DUONG VAN DONG	AMD	95	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DOAN DUAN	AMD	80	1	3	55	57	KH-THAC	Vietnamese
12	TRUONG DUC HUNG	AMD	96	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
13	THAI BA HUNG	AMD	78	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN DINH SONG	AMD	94	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN MANH HA	AMD	90	1	10		53	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN XUAN PHUONG	AMD	82-83	2	12		63	KH-THAC	Vietnamese
17	LE CHI CUONG	AMD	85-86	2	18		66	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TRUNG HIEU	AMD	97	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN ANH DUY	AMD	91	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN LE HONG VU	AMD	84	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
21	VU MANH HA	AMD	98	1	7		87	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN THANH NGOAN	TGTH4	02-03	2	19		88	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	21	27	187	1.395	55	19		
2	TGTH4	1	2	19	88	0	1		
3	PVD2	0	0	0	0	4	2		
TOTAL		22	29	206	1.483	59	22		
WEIGHT KG				206	1.483	59			

GRAND TOAL: 1.748 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/12/2018	TO: BK8 - BK5 - P7	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: LBình - XHOÀN - NNam	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TẤT HÒA	BK8					63	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN THUẬN	BK8	38	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC TÂN	BK8	34	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
4	LƯƠNG QUANG THƯỜNG	BK8					71	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN HUY	BK8	37	1	13	ASO	75	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VĂN NGHI	BK8	46	1	11		67	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ CHÍ CÔNG	BK8	41	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN DUY KHANH	BK8	39-40	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HOÀI NAM	BK8	44	1	7		72	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY BAI	BK8	45	1	8		78	CODIEN	Vietnamese
11	ĐẶNG TIẾN TOÀN	BK8	42-43	2	17		70	CODIEN	Vietnamese
12	ĐOÀN XUÂN CUÔNG	BK8	36	1	12		72	CODIEN	Vietnamese
13	LƯU VĂN ĐIỆP	BK8	59	1	6		63	NIPI	Vietnamese
14	ĐÔNG XUÂN CHIẾN	BK8	33	1	4		64	PSV	Vietnamese
15	ĐINH VĂN LƯU	BK8	35	1	5		50	PSV	Vietnamese
16	LÊ NGỌC AN	BK5	56-57	2	15		79	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC HOÀN	BK5	61	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	HỒ HỮU LINH	BK5	58	1	6	49	80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC QUANG	BK5	59	1	6		100	PSV	Vietnamese
20	HÀ VĂN NIỆM	BK5	60	1	3		63	PSV	Vietnamese
21	TRẦN TUẤN ANH	P7	01	1	8		90	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P7	02	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	15	15	108	1.016	150	6		
2	BK5	5	6	35	382	49	6		
3	P7	2	2	14	167	0	10		
TOTAL		22	23	157	1.565	199	22		
WEIGHT KG				157	1.565	199			

GRAND TOAL: 1.921 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/12/2018	TO: P4 - P10 - P11	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Khang - THỤ	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TƯỜNG	P4	94-95	2	14		58	KHI	Vietnamese
2	LE TIEN DUNG	P4	88-89	2	15	52	81	KHI	Vietnamese
3	LE BIEN THUY	P4	90-91	2	15		72	KHI	Vietnamese
4	PHẠM THANH NAM	P4	92-93	2	10		55	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN DUY HUNG	P4	82-83	2	10		71	KHI	Vietnamese
6	VU VAN QUY	P4	84-85	2	15		85	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN ANH ĐỨC	P4	86-87	2	13		70	KHI	Vietnamese
8	VU MẠNH HA	P4	80	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN PHONG	P4					79	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DUY THAI	P4	78	1	2		68	KH-THAC	Vietnamese
11	VU BAO AN	P4	72	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HOANG VINH	P4	77	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
13	LUONG HUU HAU	P4	76	1	7	20	85	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM THAI SON	P4	75	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI MINH TUAN	P4	81	1	4		54	KH-THAC	Vietnamese
16	VU THANG	P4	97	1	10		95	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN NGOC TUAN	P4	79	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TRONG BINH	P4	73-74	2	10		70	YTE	Vietnamese
19	TRAN VAN MANH	P10	84	1	8		80	PVE	Vietnamese
20	LE HUYEN SAM	P10	85-86	2	14	25	61	PVE	Vietnamese
21	BUI AN	P10	89	1	8		80	PVE	Vietnamese
22	PHAM VAN HOANG	P11	82	1	10	30	80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	18	25	157	1.270	72	12		
2	P10	3	4	30	221	25	8		
3	P11	1	1	10	80	30	2		
TOTAL		22	30	197	1.571	127	22		
WEIGHT KG				197	1.571	127			

GRAND TOAL: 1.895 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/12/2018	TO: P1 - CTK3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - DUONG - PTUẤN	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN MANH	P1					83	KH-THAC	Vietnamese
2	VU XUAN QUY	P1	98	1	4		106	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN XUAN LANH	P1	91	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
4	DINH VAN THANG	P1	90	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
5	LE VAN THANG	P1	86	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN QUANG THO	P1					84	KH-THAC	Vietnamese
7	VI KHAC THANH	P1	85	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	LUU VAN TUAN	P1	87	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
9	HO HUU CHUNG	P1	95	1	3		53	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN QUANG PHUOC	P1	88	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
11	LE QUANG TIEN	P1	89	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	VU DUY KHANH	P1	96	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN KHANH DUY	P1	93	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
14	LE VAN TU	P1	31-32	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN SI DU	P1					71	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM DUC BON	P1	99	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI HUY NGHIEP	P1	94	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
18	DANG DUC TOANH	P1	34	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN NONG	P1	92	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TRONG YEN	P1	33	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN HUU NGHIA	P1	97	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
22	LE MINH HIEU	P1	84	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

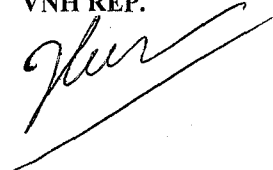
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	22	20	103	1.555	0	15		
2	CTK3	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		22	20	103	1.555	0	22		
WEIGHT KG				103	1.555	0			

GRAND TOAL: 1.658 KGS

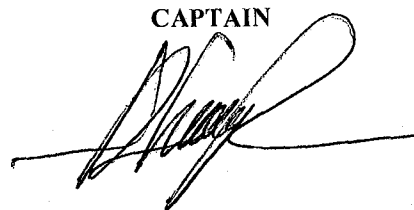
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/12/2018	TO: AMD - P4	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: ĐỨC - LHM - THẢO	ETA: 11:40
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG DINH VINH	AMD	98-99	2	14		65	KH-THAC	Vietnamese
2	DINH HUU TINH	AMD	93	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM NGOC TUAN	AMD	96	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
4	LE XUAN TUAN	AMD	95	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM VAN PHONG	AMD	94	1	5		70	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN VAN NGHE	AMD	92	1	5		70	PSV	Vietnamese
7	LE VAN THIEN	AMD	97	1	10		70	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN VAN CUONG	AMD	91	1	5		56	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN NHAN HAI	P4	47	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN KHANH	P4	49	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM KHAC DOAN	P4					72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VU HONG HA	P4	41	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
13	LE VAN KHOAI	P4	42	1	5	67	60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN SON	P4	52	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	LE DUY TRUNG	P4	50	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
16	KHUONG VAN THAO	P4	44	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGO SY KHOA	P4	45	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN VAN HUYEN	P4	53	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI QUANG SON	P4	43	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	DO MANH DUNG	P4	48	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
21	LE HONG TRUNG	P4	46	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN NGOC TUYEN	P4	51	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	8	9	54	508	0	2		
2	P4	14	13	65	912	67	20		
TOTAL		22	22	119	1.420	67	22		
WEIGHT KG				119	1.420	67			

GRAND TOTAL: 1.606 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/12/2018	TO: PPD - P1	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:50
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Hôi - QViệt - Toan	ETA: 13:30
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN THIÊN	PPD	52-53	2	10		70	KHI	Vietnamese
2	PHAN VĂN TÚ	PPD	51	1	5		65	KHI	Vietnamese
3	TRẦN VĂN NHỎ	PPD	44	1	8		66	KHI	Vietnamese
4	PHẠM VĂN NHẬT	PPD	47-48	2	10		63	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH QUÂN	PPD	49	1	10		60	KHI	Vietnamese
6	HOÀNG XUÂN HUAN	PPD	50	1	10		60	KHI	Vietnamese
7	LÊ VĂN TOÀN	PPD	43	1	5	40	52	KHI	Vietnamese
8	LÊ TRUNG LẬP	PPD	45-46	2	8	5	70	KHI	Vietnamese
9	LÂM THANH PHÚC	PPD	41-42	2	12		50	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN TRƯỜNG SAN	PPD	36-37	2	15		70	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC THO	PPD	38-39	2	10		70	KHI	Vietnamese
12	HOÀNG VĂN CÔNG	PPD	35	1	5		65	PSV	Vietnamese
13	DƯƠNG DUY KHƯƠNG	P1	74	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN VĂN DƯ	P1	77	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
15	CAO ĐĂNG PHONG	P1	35	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN CAO CƯỜNG	P1	79	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH DŨNG	P1	29-30	2	17		10	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐOÀN ĐÌNH DŨNG	P1	36	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH HÙNG	P1	28	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM HỒNG VŨ	P1	76	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
21	PHAN TẤT THĂNG	P1	75	1	5		67	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	12	18	108	761	45	7		+ 02 NB QUAY PHIM
2	P1	9	10	93	564	0	14		
TOTAL		21	28	201	1.325	45	21		
WEIGHT KG				201	1.325	45			

GRAND TOAL: 1.571 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/12/2018	TO: P7 - P6	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:55
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: HUNG - TTrung - Năm	ETA: 13:35
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG NGOC TUNG	P7	94	1	5	90	65	KH-THAC	Vietnamese
2	LUONG ANH TUAN	P7	87	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	TA VAN VIET	P7	82,84	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN TIEN HIEP	P7	07-08	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HUU HUNG	P7	600	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN VAN LOI	P7	96	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI TRONG AN	P7	700	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
8	TRUONG VAN QUANG	P7	90	1	2		82	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN THIEN	P7	98	1	2		79	KH-THAC	Vietnamese
10	HO NGUYEN KHANH DUY	P7	91	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM VAN SANG	P7	85	1	12		67	DVL	Vietnamese
12	TRUONG HUU PHUOC	P7	900	1	10		58	YTE	Vietnamese
13	NGUYEN VAN DUC	P7					71	PSV	Vietnamese
14	BUI DAC CANH	P7	92	1	3		61	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN HANH	P7	86	1	10		72	PSV	Vietnamese
16	LE VIET KHANG	P7	81	1	3		69	PSV	Vietnamese
17	HOANG VIET HUNG	P7	99	1	5		72	PSV	Vietnamese
18	MAI VAN TOAN	P7	97	1	8		60	PSV	Vietnamese
19	TU DUONG HUNG	P7	95	1	4		65	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN SON	P7	93	1	4		60	PSV	Vietnamese
21	PHAM CONG HAU	P7	88-89	2	12		65	DUYLINH	Vietnamese
22	CAO KINH THAO	P6	23	1	12	17	70	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	21	23	129	1.387	90	20		
2	P6	1	1	12	70	17	1		
TOTAL		22	24	141	1.457	107	21		
WEIGHT KG				141	1.457	107			

GRAND TOAL: 1.705 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/12/2018	TO: TD2 - RC6 - RP3	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:00
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TRƯỜNG - Trường	ETA: 13:40
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀN ĐẠI HẢO	TD2	56	1	12	18	78	DVL	Vietnamese
2	TRƯỜNG QUỐC THẮNG	TD2	58	1	15		83	DVL	Vietnamese
3	PHAN ĐĂNG TUẤN	TD2	57	1	12		62	DVL	Vietnamese
4	TẠ NGỌC THANH	RC6	32	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐO VĂN TRƯỜNG	RC6	31	1	10	85	65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC HÙNG	RC6	30	1	8	40	69	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THAI SƠN	RC6	29	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG TÂM	RP3	04	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC THUẬN	RP3	05-06	2	14		83	KH-THAC	Vietnamese
10	LAM TIẾN PHI	RP3	12	1	5		70	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN SANG	RP3	09	1	3		58	KHI	Vietnamese
12	TRẦN VĂN SEN	RP3				20	70	KHI	Vietnamese
13	BUI VĂN HÙNG	RP3					67	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN TRUNG HOÀ	RP3	13	1	7	40	74	KHI	Vietnamese
15	HOÀNG CÔNG QUÂN	RP3	15	1	7		87	KHI	Vietnamese
16	ĐUƠNG HỒNG QUÂN	RP3	07	1	5		67	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN HUY TRƯỜNG	RP3	14	1	5		61	KHI	Vietnamese
18	HA VĂN THUY	RP3	08	1	4		72	KHI	Vietnamese
19	PHẠM BÌNH NAM	RP3	10-11	2	8		62	KHI	Vietnamese
20	TRẦN VƯƠNG HÙNG	RP3					80	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	3	3	39	223	18	1		
2	RC6	4	4	43	282	125	0		
3	RP3	13	12	68	924	60	21		
TOTAL		20	19	150	1.429	203	22		
WEIGHT KG				150	1.429	203			

GRAND TOAL: 1.782 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/12/2018	TO: P5 - AMD	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:10
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VTHU - THẢO	ETA: 13:50
HONG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TRỌNG	P5	100,69	2	15		79	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TÂM	P5	50	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
3	THAI QUỐC CUÔNG	P5	84	1	5		49	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ THANH BÌNH	P5	997	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VĂN BÁC	P5				70	76	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN QUANG PHÚC	P5	70	1	5	90	48	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ HOÀNG TRỌNG	P5	71	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỒNG VĂN THỊNH	P5	97	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN MẠCH	P5	96	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ ĐỨC THANH	P5	95	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN KHAI	P5	32-33	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ANH TUÂN	P5	98	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
13	VU QUANG HUNG	P5	31	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
14	VU TRUNG KIÊN	P5	94	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ XUÂN LONG	P5	75	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN HỒNG HAI	P5	99	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
17	DƯƠNG CÔNG ĐĂNG	P5	73	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN SOAI	P5	72	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN TRUNG	AMD	90	1	5		61	PSV	Vietnamese
20	PHẠM TUÂN THANH	AMD	87	1	5		72	PSV	Vietnamese
21	TRẦN CAO TẠNG	AMD	89	1	8		74	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN QUỐC THỊNH	AMD	88	1	5		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	18	19	117	1.281	160	0		
2	AMD	4	4	23	270	0	22		
TOTAL		22	23	140	1.551	160	22		
WEIGHT KG				140	1.551	160			

GRAND TOTAL: 1.851 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/12/2018	TO: BK6 - CNV - P3	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:05
FLIGHT: 13	FROM: VT	CREW: HUNG - TTrung - Năm	ETA: 15:45
CAM-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO ĐỨC HÙNG	BK6					58	KH-THAC	Vietnamese
2	VU VAN HIEU	BK6	68	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
3	HUYNH PHUC AM	BK6	71-72	2	17		66	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM HỮU MÀN	BK6	69-70	2	18	30	70	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN PHE	BK6	66	1	6		66	PSV	Vietnamese
6	LÊ VIỆT HÙNG	BK6	67	1	5		70	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC BIEU	CNV	68	1	7	46	66	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HẠNH	CNV	69	1	13		52	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN CƯU	P3	56	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN ĐAM	P3	51	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN MINH HOÀI	P3	54	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
12	MAI VĂN BA	P3	57	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI SỸ CÔNG	P3	58	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN QUỐC BÌNH	P3	52	1	5	103	82	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN THIÊN THANH	P3	53	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN LÊ TÙNG	P3	50	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG BA VỊNH	P3	59	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN PHONG	P3	64-65	2	12		71	T-TIN	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU PHÁT	P3	66	1	12		78	T-TIN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	P3	60	1	3		62	GETRACO	Vietnamese
21	BUI VĂN QUỐC	P3	61	1	2		58	GETRACO	Vietnamese
22	TRẦN VĂN NGUYỄN	P3	55	1	10		54	PVC-PT	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	6	7	50	387	30	5		
2	CNV	2	2	20	118	46	0		
3	P3	14	15	81	953	103	17		
TOTAL		22	24	151	1.458	179	22		
WEIGHT KG				151	1.458	179			

GRAND TOAL: 1.788 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/12/2018	TO: P2 - P4	AIRCRAFT: 846	ETD: 14:00
FLIGHT: 14	FROM: VT	CREW: Hôi - QViệt - Toan	ETA: 15:40
XANH-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VĂN NAM	P2	83	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG ĐỨC LINH	P2	81	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN PHU HUU	P2	82	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI THỌ DUNG	P2					61	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐOÀN KHÁC CÁN	P2	84	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM SY HIỆP	P2	85	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN QUANG HUNG	P2	80	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN KHÁC LAM	P2	24	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ SINH TAM	P2	32	1	9		92	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HUU HA	P2	28	1	9		48	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN QUYÊN	P2	22	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ NGỌC DUNG	P2	26-27	2	15		71	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ ĐÌNH HUAN	P2	25	1	4		48	KH-THAC	Vietnamese
14	K. LING	P2	29	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐO HOÀI THANH	P2	23	1	6		72	DVL	Vietnamese
16	HUYNH THANH HIEN	P2	30-31	2	16		57	KHI	Vietnamese
17	ĐOÀN HỒNG DƯƠNG	P4	97	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
18	HÀ TÂN DUNG	P4	96	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
19	LAM TRỌNG ĐẠI	P4	94-95	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN THAI PHUONG	P4	93	1	7		75	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN MINH HOANG	P4	91	1	10		74	XAYLAP	Vietnamese
22	PHẠM ĐÌNH CHIẾN	P4	92	1	6		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	16	17	106	1.032	0	12		
2	P4	6	7	45	406	0	10		
TOTAL		22	24	151	1.438	0	22		
WEIGHT KG				151	1.438	0			

GRAND TOAL: 1.589 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/12/2018	TO: PPD - P10 - P5	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:10
FLIGHT: 15	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TRƯỜNG - Trường	ETA: 16:50
TRANG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	05	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
2	DƯƠNG TUNG HUYNH	PPD	02	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	PPD	03	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HOANG	PPD	07,19	2	17		73	CODIEN	Vietnamese
5	HOANG MINH TUAN	PPD	22	1	10	40	73	CODIEN	Vietnamese
6	ĐIỀU QUỐC CHÍNH	PPD	06	1	17		70	CODIEN	Vietnamese
7	DƯƠNG MINH QUÂN	PPD	01	1	8		67	CODIEN	Vietnamese
8	ARKHIPOV	PPD	04	1	10		95	ANTOAN	Vietnamese
9	LÊ VĂN THÔNG	PPD	11	1	12	46	73	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN TUẤN NINH	PPD	08	1	5	14	73	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN VĂN PHÚC	PPD	15	1	13	5	70	XAYLAP	Vietnamese
12	VUÔNG MAI	PPD	12	1	9	4	59	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P5	04	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN CHUÔNG	P5	11	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG THANH SƠN	P5	14	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN BA ĐIỆN	P5	10	1	12		80	XAYLAP	Vietnamese
17	HOANG VĂN MẠNH	P5	03	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN VĂN DUNG	P5	12-13	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese
19	VUÔNG VĂN THÔNG	P5	05-07	3	13		60	YTE	Vietnamese
20	TU VĂN SƠN	P5	02	1	6		80	PSV	Vietnamese
21	HOANG NGỌC HÒA	P5	08	1	5		68	PSV	Vietnamese
22	ĐẠO XUÂN THANH	P5	09	1	3		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

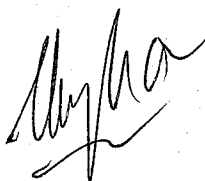
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	12	13	120	841	109	9		CHUYEN 3 PAX P10-P5
2	P10	0	0	0	0	20	0	+3	
3	P5	10	13	87	693	0	13		
TOTAL		22	26	207	1.534	129	22		
WEIGHT KG				207	1.534	129			

GRAND TOAL: 1.870 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

